TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐĂK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:10/2019/DS-ST
Ngày 12/8/ 2019
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Quân;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Nguyễn Văn Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Văn – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2018/TLST-DS ngày 23/7/2018 về*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-DS ngày 10/05/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Đức H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông – Có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn: bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1964; Địa chỉ: xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông – Có mặt tại phiên tòa;

Người có quyền lợi liên quan: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 27/3/2017, tôi (H) có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị D vay số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng), lãi suất 2,5%, thời hạn thanh toán vào ngày 20/9/2017. Hai bên có làm giấy biên nhận vay tiền viết tay do bà D viết và giấy này chỉ làm thành một bản do tôi giữ. Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán

vợ chồng bà D không thanh toán số tiền trên cho tôi mặc dù tôi đã hối thúc nhiều lần.

Vì vậy, tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu bà D phải trả số tiền 74.318.750 đồng (Bảy mươi bốn triệu ba trăm mười tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng), trong đó 55.000.000 đồng tiền gốc và 19.318.750 đồng tiền lãi.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Chồng tôi là ông M đã chết nên tôi sẽ đứng ra chịu trách nhiệm giải quyết vụ án này. Tôi thừa nhận vợ chồng tôi có vay số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng), lãi suất 2,5% và có làm giấy vay tiền viết tay như chị H trình bày. Số tiền này chúng tôi đứng ra vay cho con gái là Nguyễn Thị T. Khi đến hạn thanh toán, chúng tôi chưa trả được nên chị H có thuê người đến nhà tôi đòi tiền. Lúc đó, chồng tôi đang bị bệnh nặng, sợ bị sốc nên chị T đã đứng ra trả đủ số tiền cả gốc và lãi cho người được chị H thuê là khoảng 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng) vào ngày 29/5/2018, có giấy tờ viết tay thể hiện việc nhận tiền này và người ký nhận đủ tiền là anh Đoàn Thanh V. Nay chị H làm đơn khởi kiện thì tôi không đồng ý vì con gái tôi đã trả hết số tiền cả gốc và lãi cho chị H rồi.

* Người có quyền lợi liên quan chị Nguyễn Thị T trình bày: Những gì bà D (mẹ tôi) trình bày là đúng sự thật. Tôi là người trực tiếp trả tiền cho người được bà H thuê (vì trước đó bà H đã nói không đến đòi tiền nữa mà sẽ thuê xã hội đen đi đòi) số tiền cả gốc và lãi khoảng 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng) vào ngày 29/5/2018. Vì vậy, chúng tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H. Còn đối với số tiền tôi đã trả thì tôi không có yêu cầu gì, vì bản chất việc vay tiền này là mẹ tôi đứng ra vay giúp cho tôi.

* Ông Đinh Văn H (chồng của chị H) trình bày: Việc cho vay tiền giữa vợ tôi (H) và vợ chồng chị D thì tôi không biết, cũng không có liên quan gì.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị D phải trả số tiền là 55.000.000 đồng tiền gốc . Do điều kiện bà D khó khăn nên rút toàn bộ tiền lãi không yêu cầu; bị đơn không đồng ý với nguyên đơn vì cho rằng đã trả tiền cho người tên là Đoàn Thanh V; người có quyền lợi liên quan vắng mặt.

Quan điểm của Viện kiểm sát: Thẩm phán thiết lập hồ sơ đúng trình tự theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử đúng thành phần; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217; Điều 218 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Đức H. Buộc bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ thanh toán số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng) tiền gốc; Tiền lãi suất: Do nguyên đơn rút yêu cầu nên đình chỉ giải quyết yêu cầu này.

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Miến toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị D theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tống đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn lên làm việc; Tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải với các bên đương sự là đúng theo quy định của pháp luật. Ngươi có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị đơn ông Nguyễn Vũ M (Đã chết) bà Nguyễn Thị D cư trú tại thôn S, xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông

** Về quan hệ tranh chấp:*

Đây là quan hệ tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng vay tài sản giữa ông M, bà D và chị H; là Hợp đồng dân sự, tài sản cho vay là số tiền 55.000.000 đồng và lãi suất

** Về nội dung tranh chấp:*

Ngày 27/03/2017 bà H cho vợ chồng bà Nguyễn Thị D vay số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng), lãi suất 2,5%, thời hạn thanh toán vào ngày 20/9/2017. Hai bên có làm giấy vay tiền viết tay. Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán bà D không thanh toán số tiền trên cho bà H. Nên bà H mới khởi kiện bà D yêu cầu bà D phải trả số tiền gốc và lãi theo quy định

Nhận định của Hội đồng xét xử:

[1] Giữa ông M, bà D và bà H có thỏa thuận và viết giấy vay tiền với nhau. Bà H đã giao đủ tiền cho bà D. Quá trình thực hiện giao dịch các đương sự có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện ký kết, thỏa thuận hợp đồng.

[2] Căn cứ theo thỏa thuận trong hợp đồng vay tài sản (giấy vay tiền) đề ngày 27/3/2017 thì vợ chồng ông M, bà D có nghĩa vụ thanh toán đủ số tiền trên cho bà H vào ngày 20/9/2017 và thỏa thuận lãi suất hai bên thỏa thuận 2,5% theo giấy vay tiền.

[3] Bà D và chị T khẳng định đã trả số tiền cả gốc và lãi khoảng 72.000.000 đồng cho người được bà H thuê là Đoàn Thanh V trú tại thôn Đ A, xã Th A, huyện Đ M, tỉnh Đăk Nông và có giấy xác nhận đã nhận đủ tiền do V viết. Nhưng bà H khẳng định không có thuê ai đến nhà bà D đòi tiền nhưng không giải thích được vì sao đối tượng V lại có giấy vay tiền bản photo để đến nhà bà D đòi tiền. Tuy nhiên, quá trình xác minh tại gia đình của Đoàn Thanh V, chính quyền địa phương và công an huyện Đ M được biết Đoàn Thanh V là đối tượng nghiện ma túy, đã được Tòa án nhân dân huyện Đ M ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Quyết định số 10/2018/QĐ-TA ngày 11/10/2018) nhưng chưa được đưa đến cơ sở cai nghiện bắt buộc và hiện đang làm gì, ở đâu thì không rõ. Do đó, không thể tiến hành đối chất giữa các bên và không có căn cứ xác định đối tượng Đoàn Thanh V đã bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và người nhận tiền của chị T là một người để chứng minh việc gia đình bà D đã trả tiền. Trường hợp tìm được đối tượng Đoàn Thanh V và có cơ sở chứng minh đối tượng V đã nhận tiền của bà Du, chị T thì bà D, chị T có quyền khởi kiện đối tượng này để giải quyết bằng một vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] Ông Nguyễn Vũ M đã chết, bà Nguyễn Thị D (vợ ông M) xin đứng ra chịu trách nhiệm đối với khoản nợ của bà H. Đây là sự tự nguyện nên cần chấp nhận. Toàn bộ lời khai của các con bà D và ông M đều khai việc vay mượn này các anh chị không liên quan và tài sản do ông M chết để lại các con đều giao lại cho bà D quản lý, sử dụng nên bà D phải trả cho bà H là hoàn toàn phù hợp;

[5]Tại phiên tòa bà H trình bày vì điều kiện bà D hiện nay khó khăn, bà là người dân gần đó nên biết được sự việc này nên bà H rút toàn bộ yêu cầu về lãi suất không yêu cầu Tòa án xem xét nên HĐXX cần đình chỉ phần yêu cầu này vì nguyên đơn đã rút.

Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Đức H, buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà H số tiền gốc là 55.000.000 đồng,

[6] Về án phí: Buộc bà D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Tại phiên tòa bà D cung cấp cho HĐXX giấy xác nhận hộ nghèo nên cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị D với số tiền là 2.750.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, khoản 1, 5 Điều 466, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Đức H đối với bà Nguyễn Thị D;

1. Buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà Hoàng Đức H số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi năm triệu đồng)

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm thi hành án. *(Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự)*

2. Về lãi suất: đình chỉ xét xử phần lãi suất do người khởi kiện rút yêu cầu.

3. Về án phí DSST: Bà Nguyễn Thị D được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.750.000 đồng *(Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)*

Trả lại cho bà Hoàng Đức H số tiền là 1.858.000 đồng (Một triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002979 ngày 23/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông;

Nguyên đơn, bị đơn, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;

- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyệnT Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

ĐÃ KÝ

Phạm Văn Quân